

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN

Đơn giá xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Tên phương án: Đơn giá xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đơn vị đề nghị trình ban hành giá: Sở Tài nguyên và Môi trường.

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU

1. Sự cần thiết phải xây dựng mới đơn giá

Thực hiện công tác quản lý, duy trì, vận hành, nâng cấp và phát triển hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó bao gồm các nội dung: Duy trì, vận hành phần cứng hệ thống công nghệ thông tin; Duy trì vận hành các phần mềm của hệ thống; Duy trì vận hành phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường; Xây dựng, nâng cấp và phát triển các phần mềm hỗ trợ việc quản lý khai thác cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường. Song song đó là công tác kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường.

Để có cơ sở triển khai thực hiện, Sở Tài nguyên và Môi trường đã căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Đơn giá trên được áp dụng cho việc xây dựng, phát triển, nâng cấp các phần mềm và tạo lập cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai trên cơ sở căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BTNMT

ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế kỹ thuật kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường.

Các đơn giá được ban hành tại các Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 và Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai là cơ sở pháp lý cần thiết được Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thi hành đúng quy định.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; đồng thời bãi bỏ Mục 6 Phần I, Chương II Phần II và Chương II Phần III của Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT; Chương II Phần II Thông tư số 17/2016/TT-BTNMT. Đây cũng chính là các nội dung quy định quy trình và định mức áp dụng để xây dựng các đơn giá được ban hành tại các Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 và Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Nai

Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật của các nội dung Duy trì, vận hành phần cứng hệ thống công nghệ thông tin; Duy trì vận hành các phần mềm của hệ thống; Duy trì vận hành phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường; Xây dựng, nâng cấp và phát triển các phần mềm hỗ trợ việc quản lý khai thác cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường; quy trình và định mức kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm của các nội dung nêu trên.

Quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT có sự thay đổi lớn so với quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT và Thông tư số 17/2016/TT-BTNMT. Sự thay đổi này ảnh hưởng đến các nội dung và yếu tố cấu thành các đơn giá đã được ban hành tại các Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 và Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Để công tác quản lý, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ổn định, xuyên suốt và đúng quy định; các phần mềm hỗ trợ việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường được xây dựng, phát triển và nâng cấp nhằm đáp ứng kịp

thời nhu cầu quản lý nhà nước phát sinh từ thực tế và sâu sát với yêu cầu thực tiễn tại địa phương. Đồng thời cần phải kiểm tra, giám sát chặt chẽ và nghiệm thu các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin của ngành tài nguyên và môi trường nhằm góp phần quản lý việc đầu tư, sử dụng vốn có hiệu quả cho các dự án ứng dụng CNTT có sử dụng ngân sách của Nhà nước.

Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành triển khai xây dựng “Đơn giá xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” gồm có: Đơn giá Xây dựng phần mềm hỗ trợ việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường; Đơn giá Duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường; Đơn giá Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường;

Như vậy, công tác xây dựng và ban hành “Đơn giá xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” là thực sự cần thiết và hữu ích trong giai đoạn hiện nay đối với các cơ quan quản lý nhà nước nói chung cũng như các cơ quan nhà nước đang quản lý thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

2. Mục tiêu

Giúp các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có cơ sở xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm để thực hiện các công việc về duy trì, vận hành hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường; xây dựng, phát triển và nâng cấp các phần mềm hỗ trợ việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường; kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Là căn cứ lập dự toán kinh phí và thanh quyết toán các nhiệm vụ, dự án có liên quan đến công tác về thực hiện các công việc về duy trì, vận hành hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường; xây dựng, phát triển và nâng cấp các phần mềm hỗ trợ việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường; kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐƠN GIÁ

- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 2 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

- Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

- Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính Công đoàn;

- Nghị định số 100/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp;

- Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp;

- Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ngày 27 tháng 11 năm 2020 ban hành Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 Quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 04/2017/TT-BTNMT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ, công chức và viên chức;

- Thông tư số 06/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức và viên chức;

- Thông tư số 07/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, công chức và viên chức;

- Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài Chính quy hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

- Văn bản số 3034/STC-GCS ngày 30 tháng 8 năm 2012 của Sở Tài chính Đồng Nai về đơn giá công lao động phổ thông thuê ngoài.

- Chứng thư thẩm định giá số 795/TĐG-CT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai.

III. THUYẾT MINH XÂY DỰNG CẤU THÀNH ĐƠN GIÁ

Đơn giá sản phẩm gồm có Đơn giá sản phẩm không bao gồm khấu hao tài sản cố định (khấu hao thiết bị) và Đơn giá sản phẩm đã bao gồm khấu hao.

Đơn giá sản phẩm được cấu thành từ Chi phí trực tiếp và Chi phí quản lý chung.

1. Chi phí trực tiếp

Chi phí trực tiếp bao gồm các khoản mục cấu thành nên giá trị sản phẩm theo quy định hiện hành bao gồm: Chi phí nhân công; Chi phí vật liệu; Chi phí công cụ và dụng cụ; Chi phí năng lượng; Chi phí khấu hao tài sản cố định.

1.1. Chi phí nhân công

Chi phí nhân công bao gồm chi phí lao động kỹ thuật và chi phí lao động phổ thông (nếu có) tham gia trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dự án.

- Lao động kỹ thuật: Là lao động được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ theo chuyên ngành tài nguyên và môi trường và các ngành nghề khác có liên quan bao gồm kỹ sư, kỹ thuật viên, công nhân kỹ thuật.

- Lao động phục vụ (lao động phổ thông): là lao động giản đơn được thuê mướn để vận chuyển thiết bị, vật tư, dẫn đường và các loại lao động tương tự.

- Chi phí lao động kỹ thuật bằng (=) số lao động kỹ thuật theo định mức nhân (x) đơn giá ngày công lao động kỹ thuật nhân (x) số công định mức.

Đơn giá ngày công lao động kỹ thuật	=	Tiền lương một tháng theo cấp bậc kỹ thuật quy định trong định mức	Các khoản phụ cấp đóng góp 01 tháng theo chế độ
		26 ngày công/tháng	

Trong đó:

+ Tiền lương 01 tháng theo cấp bậc kỹ thuật quy định trong định mức thực hiện theo hệ số lương ban hành theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

+ Các khoản phụ cấp gồm: Lương phụ; Phụ cấp lưu động, Phụ cấp trách nhiệm. Riêng phụ cấp khu vực được áp dụng theo khu vực thực tế thực hiện.

- Chi phí lao động phổ thông bằng (=) số lao động phổ thông theo định mức nhân (x) đơn giá ngày công lao động phổ thông. Trong đó đơn giá ngày công lao động phổ thông:

+ Đối với nhiệm vụ do ngân sách trung ương đảm bảo lấy theo giá bình quân chung của khu vực thi công trong năm;

+ Đối với nhiệm vụ do ngân sách địa phương đảm bảo theo giá ngày công lao động phổ thông do từng địa phương quy định.

1.2. Chi phí vật liệu

Vật liệu là đầu vào trong một quá trình sản xuất hoặc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cụ thể, được người lao động tác động, biến đổi hoàn toàn để thành sản phẩm theo yêu cầu đặt ra.

Chi phí vật liệu là giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ dùng trực tiếp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dự án. Chi phí vật liệu bằng (=) Tổng số lượng từng loại vật liệu theo định mức nhân (x) đơn giá từng loại vật liệu. Trong đó:

- Đơn giá vật liệu: Căn cứ theo giá thị trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (hoặc tại địa phương lân cận).

- Mức vật liệu có giá trị thấp chưa được quy định tại định mức vật liệu và hao hụt vật liệu được tính bằng 8% mức vật liệu định mức quy định vật liệu tương ứng.

1.3. Chi phí công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ là loại tài sản không đủ tiêu chuẩn về tài sản cố định theo quy định hiện hành của nhà nước mà người lao động sử dụng để tác động, biến đổi vật liệu thành sản phẩm (ghế, bàn làm việc, đèn, quạt,... và các dụng cụ khác tương tự).

Chi phí công cụ dụng cụ là giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Chi phí dụng cụ, dụng cụ	=	Số ca sử dụng công cụ, dụng cụ theo định mức	x	Đơn giá sử dụng công cụ, dụng cụ phân bổ cho 01 ca
--------------------------	---	--	---	--

Trong đó:

Đơn giá sử dụng công cụ, dụng cụ phân bổ cho 01 ca	=	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;"></td> <td style="text-align: center; border-bottom: 1px solid black;">Đơn giá công cụ, dụng cụ</td> </tr> <tr> <td style="width: 50%;"></td> <td style="text-align: center;">Niên hạn sử dụng công cụ, dụng cụ theo định mức (tháng)</td> </tr> </table>		Đơn giá công cụ, dụng cụ		Niên hạn sử dụng công cụ, dụng cụ theo định mức (tháng)	x	26 ngày
	Đơn giá công cụ, dụng cụ							
	Niên hạn sử dụng công cụ, dụng cụ theo định mức (tháng)							

- Đơn giá công cụ, dụng cụ: Căn cứ theo giá thị trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (hoặc tại địa phương lân cận).

- Mức dụng cụ có giá trị thấp chưa được quy định tại định mức dụng cụ được tính bằng 5% mức dụng cụ định mức quy định dụng cụ tương ứng.

1.4. Chi phí năng lượng

Là chi phí sử dụng năng lượng dùng cho máy móc thiết bị vận hành trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Chi phí năng lượng bằng (=) Năng lượng tiêu hao theo định mức nhân (x)

đơn giá do Nhà nước quy định.

Đơn giá điện năng tính theo giá bán thực tế quy định tại Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ Công Thương về việc điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện, trong đó quy định giá điện áp dụng cho đơn vị hành chính sự nghiệp với cấp điện áp dưới 6kV chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10% là 1.902 đồng/kwh tương đương giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 2.092 đồng/kwh.

1.5. Chi phí khấu hao tài sản cố định

Máy móc thiết bị là công cụ lao động thuộc tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình theo tiêu chuẩn quy định hiện hành của nhà nước về tài sản cố định (không bao gồm nhà xưởng và quyền sử dụng đất) mà người lao động sử dụng để tác động, biến đổi vật liệu thành sản phẩm.

Theo quy định hiện hành về khấu hao tài sản cố định đối với đơn vị sự nghiệp công lập và theo lộ trình kết cấu chi phí khấu hao tài sản cố định vào giá sản phẩm do cấp có thẩm quyền quy định. Trong đó chi phí khấu hao máy móc thiết bị là hao phí về máy móc thiết bị sử dụng trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Chi phí khấu hao máy móc thiết bị bằng (=) Số ca máy theo định mức nhân (x) Mức khấu hao một ca máy.

Mức khấu hao một ca máy	=	$\frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số ca máy sử dụng một năm}} \times \text{Số năm sử dụng}$
----------------------------	---	---

Số ca máy sử dụng một năm được tính như sau: Máy ngoại nghiệp là 250 ca; Máy nội nghiệp là 500 ca.

2. Chi phí quản lý chung

Theo quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017; Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài Chính; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung cho phù hợp, nhưng không vượt quá tỷ lệ chi phí quản lý chung theo quy định.

Trên cơ sở tình hình thực tế của tỉnh Đồng Nai, đơn vị xây dựng đơn giá đề xuất chi phí quản lý chung được xác định theo tỷ lệ % tính trên chi phí trực tiếp, quy định cho từng nhóm công việc như sau:

- Ngoại nghiệp (gồm toàn bộ các công việc thực hiện ở thực địa): Áp dụng mức Chi phí quản lý chung là 20%

- Nội nghiệp (gồm toàn bộ các công việc thực hiện trong phòng làm việc): Áp dụng mức Chi phí quản lý chung là 15%.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ, dự án theo đơn giá không tính chi phí khấu hao tài sản cố định, thì chi phí quản lý chung sẽ được tính theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp (không bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định).

IV. TÁC ĐỘNG CỦA ĐƠN GIÁ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐỜI SỐNG, XÃ HỘI, THU NHẬP NGƯỜI TIÊU DÙNG

Trên cơ sở Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ngày 27 tháng 11 năm 2020 Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường với đối tượng áp dụng cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện các công việc về duy trì, vận hành hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường; xây dựng, phát triển và nâng cấp các phần mềm hỗ trợ việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường; kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Từ quy trình và định mức quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng các Đơn giá để cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có cơ sở để lập dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc ký hợp đồng dịch vụ thực hiện các công việc về duy trì, vận hành hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường; xây dựng, phát triển và nâng cấp các phần mềm hỗ trợ việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường; kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo yêu cầu, thỏa thuận với các cơ quan ngành tài nguyên và môi trường và các tổ chức.

Do đó, khi xây dựng đơn giá này, Sở Tài nguyên và Môi trường đã căn cứ định mức, định biên quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT của Bộ Tài

nguyên và Môi trường để tính toán đảm bảo đủ chi phí cho đơn vị thực hiện tạo ra sản phẩm nên mức giá phù hợp mức chi trả của ngân sách và của các cơ quan ngành tài nguyên và môi trường và các tổ chức.

Đơn giá này áp dụng cho Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường các cấp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các công việc về duy trì, vận hành hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường; xây dựng, phát triển và nâng cấp các phần mềm hỗ trợ việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường; kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Việc thực hiện các công việc về duy trì, vận hành hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường; xây dựng, phát triển và nâng cấp các phần mềm hỗ trợ việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm mục đích:

- Đảm bảo các hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường hoạt động thông suốt, ổn định, có tính sẵn sàng cao, bảo mật, an toàn an ninh thông tin; Đảm bảo hoạt động của Hệ thống dự phòng để phòng ngừa và cung cấp khả năng đưa các hoạt động khôi phục nhanh khi có thảm họa xảy ra; giảm thiểu các rủi ro xảy ra như bị xóa, mất cắp do hacker hay các sự cố về thiên tai, hoả hoạn,... sẽ làm gián đoạn mọi hoạt động của ngành.

- Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được cập nhật, sao lưu thường xuyên và khai thác, cung cấp thông tin hiệu quả; cập nhật những bộ dữ liệu có giá trị đáp ứng nhu cầu quảng bá sản phẩm ngành tài nguyên và môi trường ra cộng đồng. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường và đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin.

- Bảo trì các phần mềm chuyên ngành nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu quản lý của các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, phòng Tài nguyên và Môi trường, địa chính xã. Nâng cao chất lượng cung cấp thông tin lĩnh vực tài nguyên và môi trường phục vụ nhân dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử.

- Xây dựng, nâng cấp và phát triển, bổ sung chức năng của các phần mềm chuyên ngành tài nguyên và môi trường cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và tuân thủ các chính sách, quy định pháp luật hiện hành, đáp ứng kịp thời trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Vì vậy đơn giá trên được xây dựng theo các căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, biến động theo chỉ số giá tiêu dùng không đáng kể; làm cơ sở cho cơ quan nhà nước tính toán kinh phí đặt hàng cho đơn vị thực hiện các công việc về duy trì, vận hành hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường; xây dựng, phát triển và nâng cấp các phần mềm hỗ trợ việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường; kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

V. CÁC BIỆN PHÁP TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Đơn giá sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm triển khai đến Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Biên Hoà, Long Khánh nhằm thực hiện thống nhất và đồng bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trên đây là nội dung thuyết minh phương án “Đơn giá xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”. Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét, phê duyệt, làm căn cứ thực hiện./.

Nơi nhận:

- Giám đốc và các PGĐ Sở;
 - Văn phòng;
 - Phòng KHTC;
 - TTCNTT
 - Lưu VT. TTCNTT
- E\Ngan\DongiaTT14\Thuyetminh*

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Ngọc Thường